

Bình Định, ngày tháng 12 năm 2022

CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KINH TẾ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VPĐK ngày /12/2022 của Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Định công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán kinh phí chi sự nghiệp kinh tế năm 2022 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: tăng (+); giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Chi ngân sách địa phương				
	Chi sự nghiệp kinh tế	2.873.000.000	-955.176.000	1.917.824.000	
1	Tổng dự toán NSNN giao	2.873.000.000	-955.176.000	1.917.824.000	
	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên:	2.873.000.000	-955.176.000	1.917.824.000	
	+ Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.873.000.000	-955.176.000	1.917.824.000	
2	Dự toán đơn vị còn được sử dụng trong năm	2.873.000.000	-955.176.000	1.917.824.000	
	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên:	2.873.000.000	-955.176.000	1.917.824.000	
	+ Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ:	2.873.000.000	-955.176.000	1.917.824.000	
	* Hỗ trợ phòng chống mối mọt kho lưu trữ, trang bị hồ sơ lưu trữ	626.000.000	-68.000.000	558.000.000	
	* Chi sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng thiết bị máy chủ	247.000.000	-45.600.000	201.400.000	
	* Thuê bao đường truyền, thuê dịch vụ Cloud;	552.000.000	-493.550.000	58.450.000	
	* Thu thập và cập nhật dữ liệu Tài nguyên & Môi trường	121.000.000	-28.416.000	92.584.000	
	* Lập bản tin tài nguyên và môi trường (5 kỳ/năm)	144.000.000	-131.210.000	12.790.000	
	* Cập nhật, nhuận bút trang thông tin điện tử (Website) TN&MT	90.000.000	-64.900.000	25.100.000	
	* Chi phục vụ thu lệ phí	328.000.000	-104.000.000	224.000.000	
	* Mua sắm tài sản, máy móc thiết bị	765.000.000	-19.500.000,00	745.500.000	